

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10/4/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Thanh Khiết

2. Bà Phan thị Mỹ Lệ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quân Thu Hằng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: ông Nay San - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thuỳ Tr1, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Tổ 4, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai(Có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Xuân Tr2, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Tổ dân phố 14, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai(Vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuỳ Tr1 trình bày:

-*Về hôn nhân*: Chị và anh Lê Xuân Tr2 tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 08/9/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Yên Thế, thành Phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị tại tổ 4, phường Yên Thế, thành phố Pleiku. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh Tr2 có công việc không ổn định và thường xuyên nhậu nhẹt. Trong thời gian chị mới sinh con, anh Tr2 không quan tâm, chăm sóc chị và con. Mâu thuẫn ngày một lớn dần, tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng không thể hàn gắn được. Từ tháng 3/2016 tới nay, anh Tr2 về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Tr2, ở tổ dân phố 14, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân Tr2 trước pháp luật.

-*Về con*: chị và anh Tr2 có 01 con chung là Lê Bảo Tr3, sinh ngày 07/12/2015. Khi ly hôn với anh Tr2 thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Lê Bảo Tr3, chị không yêu cầu anh Tr2 phải cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Lê Xuân Tr2 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần và quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đề tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai hay ý kiến gì có trong hồ sơ vụ án.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Áp dụng Điều 28, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 9, 51, 53, 54, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84— Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, xử:

-*Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thuỳ Tr1 được ly hôn với anh Lê Xuân Tr2 trước pháp luật.

-*Về con và cấp dưỡng nuôi con* : Giao con chung Lê Bảo Tr3, sinh ngày 07/12/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Tr2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Tr1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

-*Về án phí* : Căn cứ khoản 4, Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết : 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thuỳ Tr1 phải chịu 300 000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Xuân Tr2 như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập...theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Lê Xuân Tr2 không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng; ở giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Lê Xuân Tr2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Tr1 và anh Lê Xuân Tr2 tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 08/9/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Yên Thế, thành Phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh Tr2 có công việc không ổn định và thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ và con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày một lớn dần, tình cảm vợ chồng rạn nứt nghiêm trọng không thể hàn gắn được. Nếu có tiếp tục chung sống với nhau cũng không mang lại hạnh phúc mà còn làm khổ cho nhau. Hiện giữa chị Tr1 và anh Tr2 đã sống ly thân từ tháng 3/2016 đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Tr1 và anh Tr2 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy Tr1 với anh Lê Xuân Tr2 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con : chị Tr1 và anh Tr2 có 01 con chung là Lê Bảo Tr3, sinh ngày 07/12/2015. Khi ly hôn với anh Tr2 thì chị Tr1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là Lê Bảo Tr3. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con Lê Bảo Tr3 cho chị Tr1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho nguyên đơn biết về quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Tr1 vẫn giữ nguyên quan điểm, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Tr1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 54, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84— Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr1 được ly hôn với anh Lê Xuân Tr2 trước pháp luật.

2. *Về con và cấp dưỡng nuôi con*: giao con Lê Bảo Tr3, sinh ngày 07/12/2015 cho chị Nguyễn Thị Thùy Tr1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Lê Xuân Tr2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Lê Xuân Tr2 được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh Lê Xuân Tr2 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị Tr1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Tr1 không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị Thùy Tr1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005949 ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Thùy Tr1 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thùy Tr1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/4/2018), còn anh Lê Xuân Tr2 có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Pa (01 bản);
- UBND thị trấn phú túc (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep

Thành viên hội đồng xét xử -

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thanh Khiết - Phan Thị Mỹ Lệ

Ksor Pep

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Pa (01 bản);
- UBND thị trấn phú túc (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep

Thành viên hội đồng xét xử

-

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Thoát - Nguyễn Thị Lý

Ksor Pep

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Pa (01 bản);
- UBND xã Ia Rươom (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ksor Pep

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Krông Pa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Krông Pa (01 bản);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Ia Rươom (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ/VP (01 bản).

Ksor Pep

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thanh Khiết Nguyễn Thị Kiều Diễm

Ksor Pep